



BẢN GHI NHỚ

GIỮA

CHÍNH PHỦ CANADA

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VỀ

DỰ ÁN PHÁT TRIỂN LẬP PHÁP QUỐC GIA

NLD -- VN-032788

BẢN GHI NHỚ
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ CANADA
VỀ
DỰ ÁN PHÁT TRIỂN LẬP PHÁP QUỐC GIA (NLD)

Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây được gọi là “VIỆT NAM”) và Chính phủ CANADA (sau đây được gọi là “CANADA”), với mong muốn hợp tác triển khai thực hiện dự án hỗ trợ phát triển của Canada tại Việt Nam, đã thống nhất các nội dung sau:

ĐIỀU I
BẢN CHẤT CỦA BẢN GHI NHỚ

MUC 1.01

Bản ghi nhớ này là một thoả thuận bổ sung, được xây dựng theo Hiệp định chung về Hợp tác Phát triển giữa VIỆT NAM và CANADA ký ngày 21 tháng 6 năm 1994 (sau đây được gọi là “Hiệp định chung 1994”), với mục đích xác định các cam kết của VIỆT NAM và CANADA liên quan đến Dự án được mô tả trong Điều III. Bản ghi nhớ này không tạo thành một điều ước quốc tế.

ĐIỀU II
CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM

MUC 2.01

CANADA chỉ định Cơ quan Phát triển Quốc tế Canada (CIDA) có trách nhiệm thực hiện các cam kết trong Bản ghi nhớ này.

MUC 2.02

VIỆT NAM chỉ định Bộ Tư pháp (sau đây được gọi là “Bộ TP”) là cơ quan đại diện chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện các nghĩa vụ của mình cũng như điều phối sự tham gia của các đối tác Dự án theo Bản ghi nhớ này. Việc thực hiện các trách nhiệm cụ thể sẽ là trách nhiệm liên đới và riêng rẽ của từng đơn vị cụ thể thuộc Bộ Tư pháp và các đối tác khác tham gia dự án là Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Quốc hội, và có thể thêm hai bộ chuyên ngành có tác động phát triển kinh tế (sau đây gọi là “đối tác Dự án”) sẽ được xác định trong quá trình thực hiện Dự án.

ĐIỀU III DỰ ÁN

MUC 3.01

VIỆT NAM và CANADA sẽ tham gia thực hiện Dự án Phát triển lập pháp quốc gia (sau đây được gọi là “Dự án NLD”, hoặc “Dự án”). Mục đích của Dự án là hỗ trợ tăng trưởng kinh tế công bằng hơn thông qua quản trị quốc gia minh bạch và có trách nhiệm giải trình hơn tại Việt Nam. Mục tiêu cụ thể của Dự án là hỗ trợ một chương trình tổng thể đổi mới quy trình lập pháp của Việt Nam và cải thiện chất lượng văn bản pháp luật liên quan đến kinh tế. Cụ thể hơn, Dự án NLD sẽ hỗ trợ Bộ Tư pháp và các đối tác của Dự án áp dụng các quy trình hoạch định và quản lý mang tính chiến lược, tăng cường sự tham gia của người dân và khu vực kinh tế tư nhân, và tăng cường tính thống nhất, gắn kết và tiêu chuẩn hóa trong quy trình lập pháp của Việt Nam.

MUC 3.02

Miêu tả tóm tắt về Dự án được trình bày trong Phụ lục “A” đính kèm Bản ghi nhớ này.

MUC 3.03

Để thực hiện Dự án, một Cơ quan Thực hiện Dự án Canada do CIDA tuyển chọn và ký hợp đồng sẽ làm việc hợp tác với Bộ Tư pháp và các cơ quan đối tác Dự án xây dựng một Kế hoạch Thực hiện Dự án điều chỉnh các hoạt động của Dự án. Bản Kế hoạch Thực hiện Dự án sẽ được trình ra tại cuộc họp đầu tiên của Ban Chỉ đạo Dự án để Bộ Tư pháp và CIDA phê duyệt. Sau khi đã được phê duyệt đầy đủ bởi VIỆT NAM và CANADA, bản Kế hoạch Thực hiện Dự án sẽ được đính kèm như là Phụ lục “B” và sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn bởi, các điểm sau:

- a) Mô tả Dự án chi tiết;
- b) Đề cương các phương pháp và các phương thức áp dụng để thực hiện Dự án;
- c) Lịch trình thực hiện các hoạt động của Dự án, bao gồm cả sơ đồ các mốc thời gian chủ chốt và Kế hoạch công việc chi tiết của năm thứ nhất;
- d) Tóm tắt vai trò và trách nhiệm của các đối tác chủ chốt của Dự án;
- e) Các yêu cầu về báo cáo của Dự án;

- f) Tính chất, thời gian và trách nhiệm đối với công tác đánh giá dự án, và các phương pháp thực hiện công việc đánh giá;
- g) Các nguồn lực cần thiết cho Dự án, bao gồm cả ngân sách chi tiết cho năm đầu tiên của Dự án và một dự tính phân bổ ngân sách cho những năm sau.

Bản Kế hoạch Thực hiện Dự án có thể được sửa đổi theo quy định tại Mục 10.02.

ĐIỀU IV ĐÓNG GÓP CỦA CANADA

MỤC 4.01

Đóng góp của CANADA sẽ bao gồm cung cấp tài chính, hỗ trợ kỹ thuật và thiết bị thích hợp cho việc thực hiện Dự án, cũng như cho hoạt động giám sát và đánh giá Dự án. Tổng giá trị phần đóng góp của CANADA sẽ không vượt quá mười lăm triệu đô la Canada (CDN\$15,000,000), chủ yếu được phân bổ thông qua Cơ quan Thực hiện Dự án Canada để thực hiện trợ giúp kỹ thuật và các dịch vụ liên quan.

MỤC 4.02

Căn cứ Điều V của Hiệp định chung 1994, đóng góp của CANADA không được sử dụng để thanh toán bất cứ khoản thuế, lệ phí, thuế quan hoặc bất cứ khoản thu hay nghĩa vụ nào khác mà VIỆT NAM trực tiếp hoặc gián tiếp đánh vào bất cứ hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phương tiện đi lại và các dịch vụ được mua hoặc có được để đáp ứng, hoặc liên quan đến, việc thực hiện Dự án.

ĐIỀU V ĐÓNG GÓP CỦA VIỆT NAM

MỤC 5.01

VIỆT NAM sẽ chịu trách nhiệm về cung cấp lương, các phụ cấp và các chi phí điều hành cho các cán bộ của cơ quan đối tác tham gia Dự án. VIỆT NAM cũng sẽ đóng góp vào các chi phí liên quan đến việc thiết lập và điều hành Dự án như được mô tả trong Phụ lục "A" của Bản ghi nhớ này và Phụ lục "B" của Hiệp định chung 1994. Tổng giá trị đóng góp của VIỆT NAM sẽ là năm trăm năm mươi nghìn đô la Canada (CDN\$550,000).

ĐIỀU VI THÔNG TIN

MỤC 6.01

VIỆT NAM và CANADA sẽ đảm bảo rằng Bản ghi nhớ này được thực hiện một cách tích cực và hiệu quả và mỗi bên sẽ cung cấp cho bên kia tất cả các thông tin liên quan đến Dự án khi được yêu cầu một cách hợp lý.

ĐIỀU VII LIÊN LẠC

MUC 7.01

Mọi liên lạc hoặc tài liệu do VIỆT NAM hoặc CANADA giao, lập hoặc gửi tiếp theo Bản ghi nhớ này sẽ được làm bằng văn bản và được coi là đã được cung cấp, lập hoặc gửi hợp lệ cho bên nhận vào thời điểm liên lạc qua gửi tay trực tiếp, gửi bưu điện hoặc điện fax, theo các địa chỉ tương ứng, cụ thể là:

Phía VIỆT NAM: Bộ Tư pháp
58-60 Trần Phú
Hà Nội, Việt Nam
Fax: 84-4-3734 0104

Phía CANADA: Giám đốc
Chương trình Đông Nam Á, Phân ban châu Á
Cơ quan Phát triển Quốc tế Canada
200 Promenade du Portage
Gatineau, Québec
Canada K1A 0G4
Fax: 01-819 953-3350

MUC 7.02

Thông qua việc thông báo bằng văn bản cho bên kia, mỗi bên có thể thay đổi địa chỉ liên lạc để mọi thông báo hoặc yêu cầu dành cho bên kia sẽ được gửi đúng địa chỉ.

MUC 7.03

Mọi liên lạc và tài liệu gửi cho VIỆT NAM sẽ bằng tiếng Anh và tiếng Việt và mọi liên lạc và tài liệu gửi cho CANADA sẽ bằng hoặc tiếng Anh, tiếng Pháp hoặc tiếng Việt.

ĐIỀU VIII TRAO ĐỔI Ý KIẾN

MUC 8.01

VIỆT NAM và CANADA sẽ tham khảo ý kiến của nhau về bất cứ vấn đề nào có thể nảy sinh liên quan đến Bản ghi nhớ này.

**ĐIỀU IX
ÁP DỤNG**

MUC 9.01

Những khác biệt có thể nảy sinh trong khi áp dụng các điều khoản của Bản ghi nhớ này sẽ được giải quyết thông qua đàm phán giữa VIỆT NAM và CANADA, hoặc bằng bất cứ hình thức nào do đại diện có thẩm quyền của Chính phủ hai nước cùng thoả thuận.

**ĐIỀU X
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

MUC 10.01

Bản ghi nhớ này cùng với các Phụ lục “A” và “B” là một phần không thể tách rời của Bản ghi nhớ sẽ tạo thành sự thỏa thuận toàn bộ giữa các bên về Dự án này.

MUC 10.02

Bản ghi nhớ này có thể được sửa đổi trên cơ sở nhất trí bằng văn bản giữa VIỆT NAM và CANADA.

MUC 10.03

Bản ghi nhớ này sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký dưới đây và sẽ hết hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

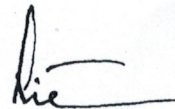
Ký tại Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2010, thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh, các văn bản đều có giá trị như nhau.

**THAY MẶT
CHÍNH PHỦ CANADA**



DEANNA HORTON
Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Canada
tại Việt Nam
Đại sứ quán Canada

**THAY MẶT
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**



HOÀNG THẾ LIÊN
Thứ trưởng thường trực
Bộ Tư pháp

PHỤ LỤC "A"

MÔ TẢ DỰ ÁN

1.0 MÔ TẢ DỰ ÁN

1.1 Bối cảnh về phát triển

Trong quá trình chuyển đổi từ một nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang “nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, kể từ năm 1996, công cuộc cải cách kinh tế của Việt Nam đã góp phần không nhỏ để đạt được mức tăng trưởng GDP trung bình hàng năm là 7.5%. Cùng với sự tăng trưởng đó là sự phát triển nhanh chóng của khu vực tư nhân, các quyền về tài sản được khẳng định rõ hơn, và từ khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) tháng 1-2007, việc hài hòa hóa pháp luật quốc gia với các cam kết quốc tế và hoàn thiện hệ thống luật pháp để thúc đẩy cải cách kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế đã được nhân mạnh hơn. Tất cả những yếu tố này đều đã có tác động tích cực tới toàn bộ hệ thống kinh tế - xã hội cũng như quá trình cải cách pháp luật; tuy nhiên còn rất nhiều việc phải làm để xây dựng một hệ thống quản trị quốc gia thống nhất cần thiết cho các hoạt động đầu tư và kinh doanh năng động, đặc biệt là trong môi trường kinh tế toàn cầu hiện nay. Mặc dù Việt Nam đã đạt được nhiều tiến bộ quan trọng trong quá trình cải cách pháp luật, cải cách các quy định cần thiết nhằm đưa ra các biện pháp khuyến khích phù hợp cho sự tăng trưởng và phát triển doanh nghiệp một cách bền vững, nhưng vẫn tồn tại một thách thức đáng kể về tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống pháp luật. Nhiều văn bản pháp luật do các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương ban hành trong quá trình thực hiện cải cách kinh tế đã không đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này là do bối cảnh phát triển hiện nay có xu hướng khuyến khích việc các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương ban hành một khối lượng lớn các văn bản pháp luật (luật, pháp lệnh, nghị định...). Các văn bản này thường được xây dựng khi chưa thực hiện đầy đủ việc nghiên cứu, phân tích và lấy ý kiến công chúng, nên dẫn đến tình trạng không thống nhất, có sự mâu thuẫn với nhau và không có hiệu lực.

Vấn đề tồn tại cơ bản và được thừa nhận rộng rãi của hệ thống pháp luật là tính không thống nhất giữa các văn bản luật và văn bản dưới luật do các cơ quan khác nhau tại các cấp khác nhau ban hành. Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam gồm 18 loại văn bản khác nhau (văn bản quy phạm pháp luật – VBQPPL, gồm văn bản luật và dưới luật), do các cơ quan có thẩm quyền ban hành, bao gồm cơ quan nhà nước ở trung ương, 22 cơ quan cấp Bộ và 63 chính quyền địa phương. Do mức độ phát triển còn thấp, văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan các cấp khác nhau ban hành đôi khi không thống nhất, nội dung không rõ ràng hoặc thiếu chính xác, gây khó khăn thậm chí đôi khi không thể giải thích, thực hiện và thực thi pháp luật.

Chính phủ Việt Nam cũng nhận thức được rằng để duy trì mức tăng trưởng kinh tế công bằng cần có một hệ thống pháp luật công khai minh bạch, rõ ràng, thống nhất và có hiệu quả. Đây là nền tảng cốt lõi để thúc đẩy kinh doanh, khuyến khích sáng kiến đổi mới trong khu vực tư nhân, hỗ trợ thị trường tài chính và các thị trường khác hoạt động hiệu quả, và khuyến khích các hoạt động mang tính bền vững về xã hội và môi trường. Các quy định pháp luật không rõ ràng sẽ ảnh hưởng đến việc lập kế hoạch và quản lý có hiệu quả các chính sách, chương trình xã hội, kinh tế vĩ mô vốn có vai trò quan trọng cốt yếu trong việc đối phó với các thách thức của nền kinh tế trong quá trình chuyển đổi cũng như vượt qua được thời kỳ suy thoái kinh tế thế giới. Nâng cao tính công khai minh bạch của hệ thống pháp luật cũng sẽ mang lại lợi ích cho những người yếu thế hơn trong xã hội như phụ nữ, trẻ em và người dân tộc thiểu số vì những nhu cầu đặc biệt của họ có thể sẽ được đáp ứng tốt hơn thông qua một quá trình thống nhất và công khai hơn.

1.2 Kết quả dự kiến

Mục tiêu tổng thể của Dự án: Hỗ trợ tăng trưởng kinh tế công bằng hơn thông qua nền quản trị quốc gia minh bạch và có trách nhiệm giải trình hơn.

Mục tiêu cụ thể của Dự án: Hỗ trợ một chương trình tổng thể đổi mới quy trình lập pháp của Việt Nam và nâng cao chất lượng văn bản pháp luật liên quan đến kinh tế.

Kết quả dài hạn: Một khuôn khổ pháp luật được tăng cường, có hiệu quả, minh bạch, thể hiện nhu cầu của người dân Việt Nam và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế công bằng.

Kết quả trung hạn:

- Bộ Tư pháp và các bộ ngành áp dụng các quy trình hoạch định và quản lý chiến lược trong quá trình phát triển lập pháp;
- Sự tham gia của người dân và khu vực kinh tế tư nhân vào quá trình xây dựng văn bản pháp luật được nâng cao;
- Tính thống nhất, liên kết và tiêu chuẩn hóa trong hệ thống lập pháp của Việt Nam được tăng cường; và
- Chất lượng văn bản được nâng cao với các văn bản pháp luật kinh tế được soạn thảo trong chương trình thí điểm.

Kết quả trước mắt:

- Năng lực của Bộ Tư pháp và các bộ ngành kinh tế được cải thiện trong việc tham gia vào các quy trình hoạch định chiến lược;
- Năng lực của Bộ Tư pháp và các bộ ngành kinh tế được nâng cao trong việc tiến hành nghiên cứu chính sách và đánh giá tác động, bao gồm cả đánh giá tác động về giới;
- Năng lực của Bộ Tư pháp và các bộ ngành kinh tế được tăng cường trong công tác lấy ý kiến nhân dân và khu vực tư nhân trong toàn bộ quá trình xây dựng lập pháp;
- Năng lực của Bộ Tư pháp và các bộ ngành kinh tế được tăng cường trong soạn thảo văn bản pháp luật tuân theo các tiêu chuẩn, kỹ thuật soạn thảo đã được thống nhất;
- Năng lực của Bộ Tư pháp được nâng cao trong việc hỗ trợ và đảm bảo chất lượng soạn thảo văn bản;

- Năng lực của Bộ Tư pháp và Ủy ban luật pháp của Quốc hội được tăng cường trong việc áp dụng thống nhất các tiêu chí thẩm định và thẩm tra văn bản; và
- Năng lực của Bộ tư pháp và các bộ ngành được nâng cao trong công tác hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và tăng cường tính thống nhất của hệ thống luật pháp.

1.3 Phạm vi Dự án và các hợp phần:

a) Phạm vi: Dự án Phát triển lập pháp quốc gia sẽ giải quyết các vấn đề về chất lượng, tính thống nhất và minh bạch trong quy trình lập pháp nhằm làm cho các văn bản luật có tính hiệu quả và khả thi cao hơn. Dựa trên nhu cầu và phân tích khi thiết kế dự án, một số khâu quan trọng trong quy trình làm luật đã được xác định để tăng cường và cải thiện.

Cụ thể hơn, Dự án sẽ giải quyết những vấn đề sau đây trong quy trình:

Hoạch định và quản lý chiến lược: hiện chưa có một quy trình hữu ích và bền vững để nhận biết, thu thập và sắp xếp tổ chức các dữ liệu cần thiết cho việc xây dựng, minh chứng và chi tiết hóa nhu cầu đổi mới, thiết lập các điều kiện cho cơ sở dữ liệu ban đầu, đặt nền tảng cho công tác xây dựng năng lực dài hạn, và đánh giá tiến độ đổi mới.

Nghiên cứu và lấy ý kiến: còn nhiều hạn chế về kỹ năng nghiên cứu chính sách cần thiết cho việc xác định vấn đề và kết nối vấn đề với các nhu cầu đề nghị, kiến nghị văn bản pháp luật cụ thể, cũng như năng lực tổ chức nói chung còn yếu để đánh giá tác động dự kiến của những đề xuất thay đổi pháp luật, quy định trước khi bước vào soạn thảo. Các phương pháp huy động sự tham gia của người dân và khu vực kinh tế tư nhân trong quá trình xác định vấn đề, xây dựng chính sách và soạn thảo văn bản không nhất quán, thường không có hiệu quả trong khi phạm vi lấy ý kiến nói chung còn hạn hẹp.

Soạn thảo văn bản pháp luật: hiện nay có rất ít kỹ thuật soạn thảo, ngôn ngữ văn bản hoặc các quy tắc giải thích văn bản đã được chuẩn hóa. Năng lực soạn thảo không đồng đều giữa các bộ ngành và không có một đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp được đào tạo về soạn thảo văn bản. Sự phối hợp giữa các chủ thể tham gia quá trình soạn thảo nói chung còn yếu và các trách nhiệm được phân công không phải lúc nào cũng được thực hiện đầy đủ.

Tính thống nhất: rất nhiều văn bản quy phạm pháp luật còn mâu thuẫn nhau, các quy định trùng lặp lẫn nhau, và năng lực còn nhiều hạn chế trong việc đánh giá tính thống nhất tổng thể giữa các văn bản đang có hiệu lực và văn bản được đề nghị, kiến nghị.

Chương trình thí điểm: để hỗ trợ cách tiếp cận thực tiễn, hữu ích đối với việc cải tiến quy trình xây dựng pháp luật, Dự án sẽ tập trung vào xây dựng các quy trình, thủ tục lập pháp tiêu chuẩn và sau đó thí điểm áp dụng các quy trình, thủ tục đó vào xây dựng các văn bản pháp luật được chọn có tác động kinh tế ưu tiên trước mắt đối với các bộ tham gia Dự án. Do đó, thông qua việc tăng cường năng lực tập trung hỗ trợ xây dựng một số văn bản luật hữu ích ưu tiên trước mắt, CIDA sẽ hỗ trợ Chính phủ Việt Nam trong việc giải quyết nhiều vấn đề thực tiễn khác nhau về kinh tế và các vấn đề khác, và tạo điều kiện đạt được các kết quả cụ thể trong thời gian ngắn.

Bộ Tư pháp sẽ đại diện cho Chính phủ Việt Nam trong Dự án và là đối tác chính. Quốc hội và sẽ có tới bốn bộ ngành có chức năng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, trong đó bao gồm Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, sẽ tham gia vào Dự án.

b) Các hợp phần của Dự án

Hợp phần 1: Xây dựng năng lực hoạch định chiến lược, đánh giá nhu cầu, và quản lý hiệu quả hoạt động.

Đây là cơ sở của Dự án, đặt nền móng cho các hoạt động sau này được tiến hành có hiệu quả, xây dựng năng lực cho việc nắm vững và quản lý bền vững các quy trình lập pháp trong khuôn khổ hệ thống pháp luật. Trong những tháng đầu của dự án, hợp phần này sẽ tập trung xây dựng năng lực cho Bộ Tư pháp về công tác xác định vấn đề của hệ thống lập pháp được tiến hành một cách có hệ thống (thay vì hiện nay không thường xuyên). Công việc này sẽ bao gồm các hoạt động và hỗ trợ sau: xác định nhu cầu và các vấn đề còn tồn tại trước mắt trong quy trình lập pháp; cải thiện các quy trình ra quyết định cho công tác hoạch định chiến lược dựa trên kết quả thực thi: xác định những chỉ số phù hợp với các mục tiêu cải cách và thu thập các dữ liệu đánh giá theo các chỉ số; và xây dựng các chế độ phương pháp báo cáo hiệu quả để phục vụ mục tiêu cải cách chính sách.

Công việc trong những năm tiếp theo trong hợp phần này sẽ hỗ trợ nâng cao năng lực xây dựng chiến lược trong các bộ là đối tác dự án, và hỗ trợ Bộ Tư pháp trong công tác theo dõi và ghi lại quá trình thay đổi và các bài học thu được từ các hoạt động xây dựng chương trình, kế hoạch trong các hợp phần khác. Do đó, hoạt động sẽ được thực hiện nhằm tăng cường năng lực hoạch định chiến lược để quản lý quá trình thay đổi và phát triển trong hoạt động lập pháp, phân tích các dữ liệu liên quan đến việc đánh giá các tiến bộ trên các mặt như tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của hệ thống pháp luật.

Hợp phần 2: Xây dựng năng lực nghiên cứu chính sách, đánh giá tác động và lấy ý kiến công chúng.

Trong quá trình thiết kế Dự án, các cán bộ cơ quan nhà nước đều có chung một nhận định là việc nghiên cứu, phân tích chính sách không đầy đủ cùng với quy trình lấy ý kiến công chúng còn hạn chế là những vấn đề chủ yếu hiện nay của các bộ ngành trong quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật. Trong quy trình lập pháp ở Việt Nam hiện nay không có những công đoạn xây dựng chính sách tách biệt với bước soạn thảo văn bản mang tính kỹ thuật. Các hoạt động trong Hợp phần 2 này sẽ được xây dựng trên kết quả của Hợp phần 1 thông qua xây dựng một quy trình lập pháp đáp ứng tốt hơn những nhu cầu của công chúng và khu vực kinh tế tư nhân, dựa trên cơ sở những phân tích và chính sách rõ ràng, phản ánh tốt hơn quyền lợi của các đối tượng tác động của văn bản. Thêm vào đó, dự án cũng sẽ chú ý đặc biệt đến các vấn đề và mối quan tâm của các nhóm yếu thế hơn trong xã hội, như phụ nữ và dân tộc thiểu số.

Hợp phần 2 sẽ hỗ trợ đào tạo, tập huấn ở trong nước (có thể có chuyên gia hướng dẫn trực tiếp), cũng như khảo sát thực tế và/hoặc làm việc ngắn hạn ở nước ngoài cho các cán bộ của các bộ, ngành. Thông qua các hoạt động này, các cán bộ của Việt Nam có cơ hội để học hỏi và được bồi dưỡng kiến thức thực tiễn về các phương pháp và quy trình đang được áp dụng trong các cơ quan, tổ chức của Canada (và có thể một số tổ chức khu vực) nhằm cải thiện nội dung văn bản, bao gồm: nghiên cứu và phân tích chính sách để đảm bảo cơ sở vững chắc cho việc đề nghị, kiến nghị pháp luật; đánh giá tác động văn bản, và phương pháp/hướng dẫn để đảm bảo chất lượng các đánh giá này; phân tích tác động về giới và môi trường; các phương pháp lấy ý kiến công chúng; và các kỹ năng giám sát và đánh giá liên quan đến chính sách.

Hợp phần 3: Xây dựng kỹ năng kỹ thuật soạn thảo văn bản pháp luật.

Các hoạt động của Hợp phần 3 nhằm hỗ trợ nâng cao tính đồng bộ, chuẩn hoá và hiệu quả của quy trình xây dựng pháp luật thông qua việc nâng cao năng lực soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật và đảm bảo tính tương thích giữa thực tiễn soạn thảo văn bản pháp luật của Việt Nam với những tiêu chuẩn và thông lệ tốt nhất của quốc tế. Trọng tâm của hợp phần này là chuẩn hóa kỹ thuật soạn thảo, ngôn ngữ văn bản, quy tắc giải thích luật và hài hòa hóa nội dung của pháp luật trong nước với các cam kết quốc tế của Việt Nam.

Các hoạt động bao gồm tổ chức đào tạo cho các tập huấn viên nguồn và các chuyên gia thuộc Bộ Tư pháp nhằm xây dựng được đội ngũ chuyên gia về soạn thảo văn bản; bồi dưỡng về kỹ thuật và quy tắc soạn thảo văn bản cho các cán bộ nghiên cứu chính sách và cán bộ pháp luật của các bộ, ngành; sử dụng chuyên gia hướng dẫn trực tiếp trong các hoạt động soạn thảo cụ thể; cử cán bộ đi khảo sát thực tiễn và/hoặc thực tập ngắn hạn để học hỏi kinh nghiệm xây dựng văn bản ở nước ngoài; và biên soạn in ấn các tài liệu hướng dẫn, sổ tay cho cán bộ tập huấn, cán bộ soạn thảo và những cán bộ khác tham gia công tác thẩm định, thẩm tra văn bản luật.

Hợp phần 4: Xây dựng năng lực nhằm đảm bảo tính thống nhất và hệ thống tổ chức của văn bản pháp luật.

Trong khi Hợp phần 1 đặt cơ sở cho công tác xác định vấn đề và ghi lại các quy trình đổi mới, Hợp phần 4 đề cập đến các kết quả lâu dài của Dự án: tăng cường tính nhất quán của công tác xây dựng văn bản trong toàn bộ hệ thống để kiểm soát đảm bảo chất lượng. Thông qua các hoạt động về rà soát, hậu kiểm và hệ thống hóa văn bản, Hợp phần 4 sẽ cung cấp cho nhiều dữ liệu và ví dụ bằng chứng cho các hoạt động ở Hợp phần 1 để đánh giá và giải quyết các vấn đề về tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.

Hợp phần này sẽ nâng cao năng lực cho Bộ Tư pháp và các cơ quan đối tác tham gia Dự án trong việc xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn rõ ràng, nhất quán và được nhất trí cao trong việc đánh giá tính thống nhất của các văn bản quy phạm pháp luật với Hiến pháp và hệ thống pháp luật (bao gồm cả tính thống nhất với các quy định của Luật Bình đẳng giới); thu thập và tổng kết các dữ liệu về tính thống nhất và đồng bộ; và áp dụng các tiêu chuẩn này như là một

phần của quá trình xây dựng một hệ thống tổ chức các văn bản – pháp điển hoá, hoặc hợp nhất văn bản – nhằm làm cho văn bản dễ tiếp cận hơn, thuận tiện hơn trong việc tra cứu, cập nhật và sử dụng. Các mục đích này được thực hiện thông qua các hoạt động như đào tạo chính quy về phân tích văn bản pháp luật, hướng dẫn trực tiếp tại chỗ, tham quan khảo sát thực tiễn và/hoặc thực tập làm việc ngắn hạn ở nước ngoài để học hỏi kinh nghiệm của các nước trong việc hệ thống hóa văn bản pháp luật, đảm bảo tính thống nhất của văn bản, biên tập và phát hành các tài liệu hướng dẫn, tài liệu tập huấn, và nâng cấp cơ sở dữ liệu về văn bản pháp luật. Các mối quan hệ làm việc giữa vụ pháp chế của các bộ ngành được chọn tham gia Dự án với Bộ Tư pháp được xác định rõ ràng và hiệu quả nhằm tăng cường sự phối hợp và phát huy tính thống nhất trong toàn bộ quy trình xây dựng pháp luật, đặc biệt trong giai đoạn đầu của Dự án.

c) Khung thời gian: Dự án sẽ được thực hiện trong thời gian 7 năm. Với việc tuyển chọn và ký hợp đồng với một Cơ quan Thực hiện Dự án Canada, dự kiến Dự án bắt đầu đi vào hoạt động năm 2010, tiến hành một đánh giá nội bộ, toàn diện năm hoạt động đầu tiên vào năm 2011, một đánh giá giữa kỳ năm 2013, và Dự án kết thúc năm 2017.

d) Các hoạt động có thể sẽ được thực hiện trong khuôn khổ Dự án sẽ bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn bởi, các hoạt động sau đây:

- Đào tạo tập huấn về hoạch định chiến lược, quản lý dựa trên kết quả (RBM), giám sát và đánh giá các hoạt động xây dựng pháp luật;
- Hỗ trợ kỹ thuật trong việc lập kế hoạch và các phương pháp phân tích/thu thập dữ liệu;
- Hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn trực tiếp và đào tạo tập huấn về nghiên cứu và phân tích chính sách, các phương pháp và quy trình lấy ý kiến công chúng và khu vực tư nhân, đánh giá tác động văn bản (bao gồm cả phân tích giới và môi trường);
- Đào tạo tập huấn về những tiêu chuẩn và kỹ thuật soạn thảo văn bản đã được thống nhất, về giải thích pháp luật, thuật ngữ pháp lý, ngôn ngữ văn bản luật, và tính tương thích của văn bản với các nghĩa vụ và cam kết quốc tế;
- Khảo sát thực tế và thực tập làm việc ngắn hạn tại các bộ tư pháp, có thể các vụ pháp chế của các bộ ngành, và các cơ quan/tổ chức của Canada (cấp liên bang và bang) cho các cán bộ của Bộ Tư pháp và cơ quan đối tác Dự án;
- Hỗ trợ kỹ thuật và hướng dẫn trực tiếp các hoạt động soạn thảo văn bản trong chương trình thí điểm;
- Đào tạo tập huấn về các tiêu chí và phương thức trong thẩm định và thẩm tra dự án/dự thảo văn bản pháp luật, những tiêu chí và phương pháp luận về hợp nhất và pháp điển hóa đã được nhất trí;
- Hỗ trợ kỹ thuật và hướng dẫn trực tiếp trong việc xây dựng và áp dụng các tiêu chí và phương thức trong công tác rà soát và pháp điển hóa;

- Xây dựng sách hướng dẫn (ví dụ hướng dẫn soạn thảo văn bản), công cụ, tài liệu tập huấn, và các tài liệu tham khảo;
- Đi khảo sát thực tế và/hoặc làm việc thực tập ngắn hạn để học hỏi các phương thức về hệ thống hóa, pháp điển hóa, và các công đoạn khác trong quy trình lập pháp;
- Thiết lập các phương thức liên lạc nhằm cung cấp cho các đối tác Việt Nam được tiếp cận trực tiếp với các chuyên gia luật của Dự án nhận được các dịch vụ tư vấn theo nhu cầu; và
- Hội thảo trong nước và khu vực có sự tham gia của các chuyên gia Canada, trong nước và/hoặc quốc tế/khu vực, về các vấn đề về chính sách và trong các văn bản pháp luật, cũng như các vấn đề về quy trình xây dựng pháp luật.

1.4 Quản lý Dự án

Chiến lược quản lý dự án dựa trên các nguyên tắc bền vững và đề cao tính chủ động làm chủ của đối tác địa phương. Một Cơ quan Thực hiện Dự án Canada sẽ được CIDA ký hợp đồng và thực hiện mọi nỗ lực tôn trọng và tuân thủ các nguyên tắc này để quản lý tất cả các mặt hoạt động của dự án, đảm bảo sao cho dự án phù hợp với các kế hoạch chiến lược tổng thể của Chính phủ Việt Nam và bổ sung cho các hoạt động của các nhà tài trợ khác. Với tính chất phức tạp trong bối cảnh quản trị quốc gia của Việt Nam, Cơ quan Thực hiện Dự án Canada cần hiểu rõ bối cảnh lịch sử, các vấn đề quản trị quốc gia hiện nay, nhằm cung cấp hỗ trợ dựa trên cơ sở hiểu rõ nhu cầu của Việt Nam và cân nhắc tính tế đến phạm vi mà các thể chế, tiêu chuẩn và quy trình của Canada và quốc tế có thể được điều chỉnh, áp dụng trong bối cảnh Việt Nam.

Dự án sẽ được quản lý theo các nguyên tắc Quản lý dựa trên kết quả (RBM). Cơ quan Thực hiện Dự án Canada sẽ làm việc với Bộ Tư pháp và các cơ quan đối tác Dự án để xây dựng Kế hoạch Thực hiện Dự án trong giai đoạn khởi động dự án. Kế hoạch Thực hiện Dự án sẽ xác định các kết quả dự kiến, các hoạt động cần thiết để đạt được các kết quả đó, cơ cấu tổ chức dự án, lịch trình thực hiện, và dự kiến giải ngân cho toàn bộ giai đoạn dự án dựa trên những thông tin có được. Trong quá trình xây dựng Kế hoạch Thực hiện Dự án, Cơ quan Thực hiện Dự án Canada phải xác minh tính khả thi của từng yếu tố hợp phần, cũng như khả năng của từng hợp phần có thể được duy trì một cách thích đáng sau khi các hoạt động của dự án kết thúc. Kế hoạch Thực hiện Dự án có thể đề xuất bổ sung thêm hay rút gọn một số hoạt động cụ thể trong từng hợp phần, và sẽ được CIDA và Bộ Tư pháp thông qua tại cuộc họp đầu tiên của Ban Chỉ đạo Dự án (sẽ được mô tả dưới đây). Bản Kế hoạch Thực hiện Dự án sẽ là một văn kiện không cố định, có thể được sửa đổi khi cần thiết dựa trên sự nhất trí của Ban Chỉ đạo Dự án.

Hoạt động cho các năm về sau sẽ được Cơ quan Thực hiện Dự án Canada, Bộ Tư pháp và các đối tác tham gia dự án cùng thiết kế xây dựng, phù hợp với các kết quả tổng thể cần phải đạt được và kết hợp với những bài học kinh nghiệm rút ra từ năm trước. Các hoạt động này sẽ được đưa vào trong kế hoạch công việc hàng năm. Kế hoạch công việc hàng năm của mỗi năm tiếp theo sẽ được xây dựng và trình đề Ban Chỉ đạo Dự án phê duyệt vào quý I của năm đó.

Dự án cũng sẽ được hỗ trợ thông qua chuyên gia Giám sát Dự án, với việc chuyên gia cung cấp tư vấn cho CIDA về hiệu quả hoạt động và thực hiện Dự án trong toàn bộ giai đoạn của Dự án.

Cuộc họp Ban Chỉ đạo Dự án

CIDA và Bộ Tư pháp sẽ là đồng chủ tịch Ban Chỉ đạo Dự án.

Ban Chỉ đạo Dự án sẽ giám sát và hướng dẫn thực hiện dự án. Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo Dự án là nhằm trao đổi thảo luận tình hình thực hiện dự án cho đến thời điểm họp, xác định các vấn đề mới hay các lĩnh vực hoạt động mới, đưa ra phương hướng chỉ đạo chung và phản hồi đối với dự án, đồng thời phê duyệt Kế hoạch công việc hàng năm. Cơ quan Thực hiện Dự án Canada sẽ làm việc với Bộ Tư pháp và các đối tác dự án để chuẩn bị báo cáo tiến độ và báo cáo tài chính hàng năm, đồng thời chuẩn bị Kế hoạch công việc hàng năm để Ban Chỉ đạo Dự án thảo luận.

Ban Chỉ đạo Dự án sẽ tổ chức họp một năm hai lần: một cuộc họp chính thức vào cuối quý I của năm (dương lịch) và một cuộc họp không chính thức vào đầu quý IV. Cuộc họp đặc biệt sẽ được triệu tập nếu cần thiết. Thành viên tham dự họp bao gồm đại diện của CIDA, Bộ Tư pháp, Cơ quan Thực hiện Dự án Canada, và các đối tác tham gia Dự án. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng có thể lựa chọn tham dự các cuộc họp này với tư cách là quan sát viên. Cơ quan Thực hiện Dự án Canada sẽ tổ chức và hỗ trợ về công tác thư ký cho các cuộc họp Ban Chỉ đạo Dự án.

Cụ thể, Ban Chỉ đạo Dự án có các nhiệm vụ sau:

- a. Xem xét và theo dõi tình hình bối cảnh hoạt động của dự án, các giả định, rủi ro cơ bản, và tính phù hợp liên tục của dự án;
- b. Đánh giá tiến độ đạt được nhằm đạt đến các kết quả dự kiến của dự án, ở cả cấp độ trước mắt lẫn trung hạn;
- c. Đánh giá và khuyến nghị sửa đổi điều chỉnh nếu cần đối với Kế hoạch Thực hiện Dự án, và đề xuất thông qua Kế hoạch Thực hiện Dự án;
- d. Đánh giá và đề xuất thông qua các Kế hoạch công việc hàng năm, chỉ số kết quả, phân bổ ngân sách và lịch trình hoạt động cho năm tài chính tiếp theo;
- e. Giải quyết các vấn đề ở cấp chính sách có thể cản trở việc thực hiện dự án; và,
- f. Đưa ra chỉ dẫn, dẫn giải và tham mưu chính sách.

Ban Chỉ đạo Dự án cũng sẽ hướng dẫn một Tổ Tư vấn Kỹ thuật do Bộ Tư pháp chủ trì. Tổ Tư vấn Kỹ Thuật sẽ tăng cường sự phối hợp về hỗ trợ kỹ thuật cho dự án giữa Bộ Tư pháp và các đối tác dự án, đồng thời tạo điều kiện điều phối các đề xuất, ý kiến đóng góp cho quá trình lập kế hoạch và thực hiện dự án trên cơ sở thường xuyên giữa thời gian các cuộc họp của Ban Chỉ đạo Dự án.

1.5 Thiết bị và tài sản của Dự án

Trong suốt giai đoạn dự án, tất cả các thiết bị và tài sản được mua bằng kinh phí của Canada cho dự án sẽ chỉ được sử dụng dành riêng cho các hoạt động dự án đã được xác định và phê duyệt. Khi kết thúc dự án, Canada sẽ chuyển giao các thiết bị và tài sản còn lại của dự án cho phía Việt Nam. Việc phân bổ các thiết bị và tài sản đó sẽ được Ban Chỉ đạo Dự án quyết định.

PHỤ LỤC “B”

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Sẽ bổ sung vào Bản ghi nhớ sau khi được hoàn thiện và thông qua tại cuộc họp đầu tiên của Ban Chỉ đạo Dự án.